

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2025



Pakse, tháng 4 năm 2025

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KỸ THUẬT
VIỆN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG
Sustainable Forest Management and Forest Certification Institute (SFMI)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TS. Đào Công Khanh

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
A. Thông tin chung về Công ty.....	2
I. Tên và địa chỉ giao dịch.....	2
II. Căn cứ pháp lí và chức năng nhiệm vụ của Công ty	2
1. Căn cứ pháp lí	2
2. Chức năng, nhiệm vụ	2
3. Nguồn nhân lực và trình độ đào tạo.....	2
III. Mục tiêu và phương pháp điều tra đánh giá.....	3
1. Mục tiêu	3
2. Phương pháp	3
3. Thời gian thực hiện	3
4. Thành viên đoàn đánh giá	3
B. Kết quả đánh giá tác động của các hoạt động quản lí trên hiện trường	4
I. Kết quả đánh giá các tác động môi trường	4
1. Hoạt động quản lí vườn ươm và sản xuất cây con.....	8
2. Hoạt động trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng.....	10
3. Hoạt động khai thác lâm sản (gỗ và mủ cao su)	13
4. Hoạt động bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học và sinh thái bản địa.....	20
5. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông.....	22
6. Quản lí vật tư, hóa chất	24
7. Quản lí các khu nhà ở tập trung của người lao động	24
II. Kết quả đánh giá tác động xã hội từ các hoạt động quản lí.....	26
1. Tác động tích cực	27
1. Tác động tiêu cực	32
2. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực	33
III. Kết quả tham vấn các bên liên quan về tác động môi trường và xã hội	34
1. Tác động tích cực	34
2. Các tác động tiêu cực	38
3. Nhận xét chung và đề xuất của các bên liên quan	38

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	39
1. Kết luận	39
2. Kiến nghị.....	40
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	41
PHỤ LỤC.....	42
Phụ lục 1. CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	42
Phụ lục 2. TỔNG HỢP CÁC LỚP ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN CHO CBCNV CÔNG TY	48
Phụ lục 3. Tổng hợp các lớp tập huấn người lao động trực tiếp.....	50
Phụ lục 4. Danh sách tham vấn các bên liên quan (tháng 2/2025)	51
Phụ lục 5. Danh sách tham vấn các bên liên quan (tháng 4/2025)	53

TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCR	Chứng chỉ rừng
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CN	Công nhân
CNV	Công nhân viên
ĐDSH	Đa dạng sinh học
FSC	Hội đồng Quản trị rừng thế giới (Forest Stewardship Council)
HLVS	Hành lang ven suối
MT	Môi trường
MT-XH	Môi trường- Xã hội
QLR	Quản lý rừng
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
SFMI	Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
QLRBV và CCR	Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
XD	Xây dựng
XH	Xã hội

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Biểu 1. Các tác động của hoạt động quản lý rừng đến môi trường	4
Biểu 2. Tác động của một số hoạt động quản lý rừng đến các yếu tố môi trường	6
Biểu 3. Các nội dung chính cần đánh giá tác động xã hội	26
Biểu 4. Tổng hợp kinh phí hỗ trợ địa phương giai đoạn từ tháng 12/2024-4/2025.....	28
Biểu 5. Tổng hợp đóng BHXH cho người lao động Việt Nam	31
Biểu 6. Tổng hợp đóng BHXH người lao động Lào.....	31

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Vườn ươm qui hoạch theo qui định	8	
Hình 2. CN phun thuốc BVTV khi tác nghiệp.....	9	
Hình 3. Hồ ga thoát nước chưa đúng qui định.....	9	
Hình 4. BV dòng chảy	Hình 5. Lực lượng bảo vệ rừng của Công ty ...	11
Hình 6. Cháy rừng tại lô B5.12 Nông trường 4	12	
Hình 7. Rác thải sau tập trung ở ven rừng	12	
Hình 8. Xử lý các phế thải chưa thân thiện với MT	13	
Hình 9. Trao dụng cụ khai thác mỏ trong lễ ra quân	14	
Hình 10. Mở máng trong ngày ra quân.....	14	
Hình 11. Tập huấn cho CB giám sát kỹ thuật.....	15	
Hình 12. Hiện trường khai thác trắng theo băng.....	15	
Hình 13. BHLĐ của công nhân cửa xăng	16	
Hình 14. Khai thác Điều phục vụ dự án trồng Sầu riêng tại NT1.....	16	
Hình 15. Khu nhà ở của CN khai thác mỏ tại NT1.....	17	
Hình 16. Rác thải còn nhiều tại khu vực sản xuất	17	
Hình 17. CN khai thác mỏ không mặc BHLĐ theo qui định.....	18	
Hình 18. Gốc chặt chưa đúng kỹ thuật RIL	18	
Hình 19. Lán ở của CN khai thác gỗ chưa đạt tiêu chuẩn	19	
Hình 20. Biển báo HLBVVS bằng tiếng Lào-Việt.....	20	
Hình 21. Khu vực hành lang ven suối của NT4.....	21	
Hình 22. Biển cảnh báo khu vực có rắn độc	21	

Hình 23. Dân đốt thực bì trồng sắn.....	22
Hình 24. Xói mòn rãnh tại lô 7.8a KH.....	23
Hình 25. Nhà kho vật tư, hóa chất NT1 và rác thải được dọn sạch và phân loại	24
Hình 26. Khu nhà ở của người LĐ tại NT1	25
Hình 27. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan an ninh địa phương.....	25
Hình 28. Rửa xô đựng mũ dưới suối và tại vòi nước ngay sát khu vực lán trại	26
Hình 29. Rác thải ở khu nhà ở của CN tại NT3.....	26
Hình 30. Lễ kí hợp tác song phương với huyện Pathumphon	29
Hình 31. Kí kết hợp tác với cơ quan AN địa phương.....	29
Hình 32. Đồng phục lao động của CN khai thác mỏ	30
Hình 33. Người LĐ nhận nhu yếu phẩm hỗ trợ từ CT	31
Hình 34. Còn có trẻ em trong khu vực sản xuất	32
Hình 35. Dân đốt thực bì tại khu vực tiếp giáp HLBVVS NT2.	33
Hình 36. Túi sơ cứu tại khu ở của người lao động NT2 và NT3.....	33
Hình 37. Phòng vấn người lao động NT1	35
Hình 38. Phòng vấn CBNV NT1	35
Hình 39. Phòng vấn người lao động tại khu nhà ở	36
Hình 40. Phòng vấn trưởng bản	36
Hình 41. Lễ ra quân 2025 của NT1 có sự tham gia của LĐ các bản.....	37
Hình 42. Tham vấn phòng TNMT huyện Pathumphon	38

GIỚI THIỆU

Quản lý rừng nói chung và với rừng trồng Cao su nói riêng đòi hỏi phải bền vững trên cả 3 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường đây là xu hướng tất yếu và ngày càng phát triển không chỉ ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà còn diễn ra với nhiều nước trên thế giới đặc biệt là ở các nước phát triển. Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào việc thực hiện quản lý rừng bền vững đòi hỏi các chủ rừng phải tuân theo pháp luật của Nhà nước quy định tại Nghị định số 59/TT ngày 02/05/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “quản lý rừng sản xuất bền vững”.

Để thực hiện có hiệu quả quản lý rừng bền vững và tiến tới được cấp chứng chỉ rừng, chủ rừng không những phải thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc trong bộ Tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững trong đó có bộ tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng Thế giới (FSC). Bộ Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững hiện đang áp dụng tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là Bộ Tiêu chuẩn quốc gia tạm thời của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (FSC-STD-LAO-01-2020 EN) đã được Hội đồng quản trị rừng thế giới (FSC) phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2020.

Trong Bộ Tiêu chuẩn quốc gia tạm thời FSC-STD-LAO-01-2020 EN cũng quy định chủ rừng phải có đánh giá tác động môi trường và xã hội nhằm phát hiện những tác động tiêu cực qua đó đề xuất các giải pháp để giảm thiểu những nguy cơ, tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội do hoạt động quản lý rừng gây ra.

Thực hiện yêu cầu trên, tháng 12 năm 2023 Viện QLRBV và CCR (SFMI) đã có Báo cáo chuyên đề Đánh giá tác động môi trường và xã hội của các hoạt động quản lý rừng của Công ty Daklaoruco và ngày 28/11/2024 Công ty Daklaoruco đã được tổ chức GFA (đơn vị được FSC ủy quyền) cấp giấy chứng nhận FSC-FM/CoC cho sản phẩm gỗ và mủ Cao su tự nhiên của Công ty. Để duy trì chứng chỉ rừng đã được cấp, Công ty Daklaoruco phải thực hiện và hoàn thành nhiều hoạt động trong đó phải có hoạt động đánh giá bổ sung và xây dựng báo cáo Đánh giá tác động môi trường và xã hội năm 2025.

Với ý nghĩa trên, cùng với sự tham gia tích cực của Công ty Daklaoruco, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan quản lý có liên quan và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Champasak và tỉnh Salavan trong phạm vi hoạt động của Công ty. Viện QLRBV và CCR cùng với Công ty Daklaoruco đã thực hiện 2 đợt đánh giá tác động MT và XH trong tháng 2 và tháng 4 năm 2025, lập báo cáo chuyên đề đánh giá tác động môi trường và xã hội năm 2025, dưới đây là nội dung báo cáo.

A. Thông tin chung về Công ty

I. Tên và địa chỉ giao dịch

- Tên công ty: Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk.
- Tên giao dịch tiếng Anh: **DAKLAK RUBBER LIMITED COMPANY** (viết tắt: DAKLAORUCO).
- Địa chỉ trụ sở: Bản Thaluong, thành phố Pakse, tỉnh Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Điện thoại: (+856) 31 212 570
- Địa chỉ thư điện tử: daklaoruco@daklaoruco.com
- Trang web: www.daklaoruco.com

II. Căn cứ pháp lý và chức năng nhiệm vụ của Công ty

1. Căn cứ pháp lý

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (Daklaoruco) được thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2004 theo Giấy phép đầu tư số 111-04/KH-ĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Ngày 30/3/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước CHDCND Lào cấp Giấy đăng ký tô nhượng (điều chỉnh lần 4) số: 016-16/KH/ĐT4 cho Công ty.

Đơn vị chủ quản của Công ty: từ ngày 6 tháng 12 năm 2004 đến ngày 24 tháng 02 năm 2012 là Công ty cao su Daklak (DAKRUCO). Từ ngày 24 tháng 02 năm 2012 đến nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI).

2. Chức năng, nhiệm vụ

Hiện tại, Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco) đang quản lý và sử dụng 10.186,67ha¹ rừng và đất lâm nghiệp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là trồng, chăm sóc cây Cao su; khai thác, chế biến, cung ứng mủ và các sản phẩm từ mủ Cao su thiên nhiên.

3. Nguồn nhân lực và trình độ đào tạo

3.1. Nguồn nhân lực

Đến tháng 4 năm 2025 tổng số CBCNV Công ty có 2.658² người, Trong đó nữ 1.036 người, nam 1.622 người. Bao gồm:

- Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn là 99 người.

¹ Số liệu cập nhật đến 31/12/2024

² Nguồn: Báo cáo cập nhật hệ thống tổ chức, nhân sự của Cty Daklaoruco (tháng 4/2025). VP Công ty

- Số lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng là 1.884 người.
- Số lao động đang thử việc là: 668 (Trong đó gián tiếp: 21 người; CNKT: 647 người).
- Lao động hợp đồng thời vụ: 07 người

3.2. Trình độ đào tạo

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn được đào tạo như sau:

i. Trình độ đại học	73 người, tỷ lệ 2,75%;
ii. Cao đẳng và trung cấp	40 người, tỷ lệ 1,50%;
iii. Công nhân kỹ thuật	6 người, tỷ lệ 0,23%;
iv. Lao động phổ thông	2.539 người, tỷ lệ 95,52%.

III. Mục tiêu và phương pháp điều tra đánh giá

1. Mục tiêu

Điều tra thu thập thông tin và lập báo cáo chuyên đề đánh giá tác động MT và XH năm 2025 nhằm phát hiện những tác động tích cực, tiêu cực từ các hoạt động quản lý rừng từ sau khi Công ty nhận chứng chỉ FSC FM và FSC CoC, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực do các hoạt động quản lý rừng gây ra.

2. Phương pháp

Nhóm chuyên gia đã thực hiện việc đánh giá theo các phương pháp đã trình bày trong Báo cáo chuyên đề đánh giá tác động MT – XH của công ty Daklaoruco tháng 12 năm 2023 bao gồm việc thu thập các thông tin thứ cấp (là những tài liệu, số liệu đã có và được kiểm chứng) thông tin sơ cấp (bao gồm tham vấn các bên liên quan như CBCNV trong danh sách của Công ty, trưởng các bản trong phạm vi quản lý của các nông trường và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý rừng của Công ty và khảo sát thực tế tại hiện trường), một số phương pháp đánh giá đã được áp dụng như phương pháp thống kê, phương pháp đánh giá nhanh, phương pháp chuyên gia.

3. Thời gian thực hiện

- Đợt đánh giá thứ nhất: từ 20 đến 25 tháng 2 năm 2025;
- Đợt đánh giá thứ hai: từ 19 đến 22 tháng 4 năm 2025.

4. Thành viên đoàn đánh giá

4.1. Công ty Daklaoruco

Bà. Chan Xúc Xay Xa Nhít

Ông. Phạm Văn Nam

Bà. Phan Thị Thu Hà

Ông. Võ Văn Sỹ

P. Chánh văn phòng Công ty

Trưởng phòng KTSX

CB văn phòng CT

CB phòng KTSX

4.2. Viện QLRBV và Chứng chỉ rừng (SFMI)

TS. Đào Công Khanh	P. Viện trưởng, Tư vấn trưởng
KS. Ngô Đình Thọ	Chuyên gia QLRBV
TS. Lê Quang Tuấn	Chuyên gia GIS và Đa dạng SH
ThS. Nguyễn Thùy Linh	Chuyên gia EIA&SIA
ThS. Trần Đức Bình	Chuyên gia Đa dạng SH
ThS. Hoàng Văn Minh	Chuyên gia GIS và Đa dạng SH
KS. Nguyễn Bá Quyền	Chuyên gia QLRBV và điều tra rừng

B. Kết quả đánh giá tác động của các hoạt động quản lý trên hiện trường

Trên cơ sở báo cáo chuyên đề Đánh giá tác động môi trường và xã hội tháng 12 năm 2023 đã đề cập đến các hoạt động quản lý rừng của Công ty có tác động đến môi trường và xã hội vào thời điểm đánh giá, đó là (i) Hoạt động trồng và chăm sóc rừng, (ii) Hoạt động khai thác tài nguyên rừng, (iii) Hoạt động quản lý và sử dụng hóa chất, (iv) Hoạt động quản lý rác thải và (v) Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội năm 2025 sẽ tập trung vào các phát hiện mới, dự báo các tác động tiêu cực có khả năng xảy ra bởi các hoạt động quản lý của Công ty Daklaoruco. Dưới đây là kết quả đánh giá tác động của các hoạt động quản lý rừng của Công ty đến môi trường và xã hội năm 2025 tập trung vào đánh giá các tác động tiêu cực và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.

I. Kết quả đánh giá các tác động môi trường

Đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động quản lý rừng đến môi trường được thể hiện trong Biểu 1.

Biểu 1. Các tác động của hoạt động quản lý rừng đến môi trường

TT	Nhóm hoạt động	Hoạt động quản lý cụ thể	Tác động	
			Tích cực	Tiêu cực
1	Quản lý vườn ươm	Kỹ thuật gieo ươm và chăm sóc cây con	√	
		Quản lý và sử dụng phân bón, hóa chất (bao gồm cả kho vật tư)	√	√
		Quản lý rác thải trong gieo ươm và sinh hoạt	√	√
		Hệ thống cấp nước và thoát nước	√	√

		Quản lí cỏ dại		√
		Phương tiện vận chuyển;		√
2	Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng	Xử lý thực bì (đốt toàn diện, đốt cục bộ, không đốt)		√
		Làm đất (thủ công/cơ giới, toàn diện/cục bộ)	√	√
		Kĩ thuật trồng	√	
		Cháy rừng và sâu bệnh hại		√
		Sử dụng phân bón vô cơ, hóa chất		√
		Quản lí rác thải trong sản xuất và sinh hoạt	√	√
3	Khai thác lâm sản (gỗ và củ cao su). Vận xuất, vận chuyển	Phương thức khai thác	√	√
		Thiết bị, công cụ khai thác (chặt hạ, cắt khúc, bóc vỏ, trích nhựa)		√
		Quản lí rác thải trong sản xuất và sinh hoạt	√	√
		Hệ thống đường vận xuất/vận chuyển: mật độ đường, phù hợp/không phù hợp với quy mô quản lí		√
		Phương tiện vận xuất, vận chuyển: cơ giới/thủ công		√
		Sự cố tràn dầu		√
4	Bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học và sinh thái bản địa	Lập, quản lí, bảo vệ HLVS và khu kết nối ĐDSH	√	
		Bảo vệ, duy trì, phát triển mẫu đại diện sinh thái bản địa	√	
		Quản lí rác thải trong khu vực bảo vệ	√	√
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông	Quy mô xây dựng cơ sở hạ tầng; duy tu, bảo dưỡng, xây dựng mới và nâng cấp đường	√	√

		Phương tiện, thiết bị thi công và xây dựng		√
		Quản lý rác thải trong xây dựng và sinh hoạt	√	√
		Sự phù hợp với quy hoạch và thiết kế	√	√
		Kho bãi và các qui định liên quan	√	√
6	Quản lý vật tư, hóa chất	Tuân thủ qui định sắp xếp, bảo quản vật tư kỹ thuật, hóa chất phục vụ sản xuất	√	√
		Quản lý rác thải khu vực kho		√
7	Bảo vệ môi trường, điều kiện sinh hoạt trong các khu ở tập trung của người lao động	Các qui định, hướng dẫn bảo vệ môi trường, nguồn nước;	√	√
		Quản lý rác thải tại các khu ở tập trung của người lao động	√	√
		Hệ thống thoát nước, vệ sinh	√	√

Biểu 2. Tác động của một số hoạt động quản lý rừng đến các yếu tố môi trường

TT	Nhóm hoạt động	Hoạt động quản lý cụ thể	Yếu tố môi trường bị tác động tiêu cực			
			Đất	Nước	Không khí	ĐDSH
1	Gieo ươm tạo cây giống	Quản lý và sử dụng phân bón, hóa chất (bao gồm cả kho vật tư)	√	√		
		Quản lý rác thải trong sản xuất và sinh hoạt	√	√		
		Cấp nước và thoát nước trong vườn	√	√		

TT	Nhóm hoạt động	Hoạt động quản lý cụ thể	Yếu tố môi trường bị tác động tiêu cực			
			Đất	Nước	Không khí	ĐDSH
		Phương tiện vận chuyển; các hoạt động XD	√	√		
2	Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng	Xử lý thực bì (đốt)	√	√	√	√
		Làm đất	√	√		
		Cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại	√	√	√	√
		Sử dụng phân bón, hóa chất	√	√	√	√
		Rác thải trong sản xuất và sinh hoạt	√	√		
3	Khai thác lâm sản gỗ và mủ Cao su	Phương thức khai thác	√	√		√
		Phương pháp, thiết bị, công cụ khai thác (đẻ chặt hạ, cắt khúc, bóc vỏ, trích nhựa, vận xuất, vận chuyển)	√	√		√
		Quản lý rác thải trong sản xuất và sinh hoạt	√	√		
		Hệ thống đường vận xuất/vận chuyển: mật độ, sự phù hợp/không phù hợp với quy mô quản lý	√	√		
		Công cụ vận xuất vận chuyển: cơ giới/ thủ công	√	√		
		Sự cố tràn dầu	√	√		

TT	Nhóm hoạt động	Hoạt động quản lý cụ thể	Yếu tố môi trường bị tác động tiêu cực			
			Đất	Nước	Không khí	ĐDSH
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông	Quy mô xây dựng cơ sở hạ tầng; duy tu, bảo dưỡng, xây dựng mới và nâng cấp đường	√	√	√	√
		Phương tiện, thiết bị thi công và xây dựng	√	√	√	
		Quản lý rác thải trong xây dựng và sinh hoạt.	√	√		√

Tổng hợp tác động tiêu cực đến môi trường trong Biểu số 1 và các yếu tố môi trường bị tác động trong Biểu số 2, dưới đây là kết quả đánh giá và dự báo về các nguy cơ tác động tiêu cực và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động đó cho các hoạt động.

1. Hoạt động quản lý vườn ươm và sản xuất cây con

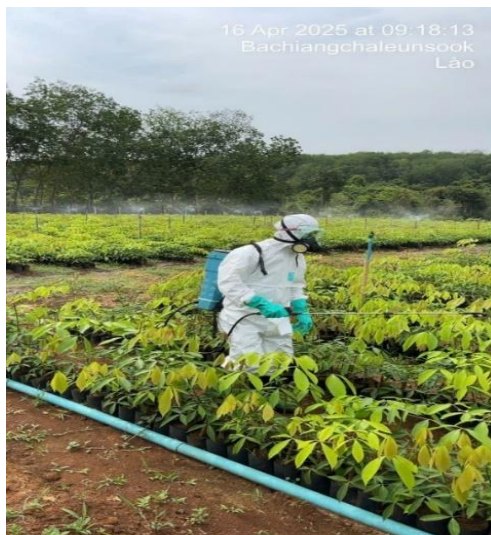
1.1. Tác động tích cực

- Kỹ thuật gieo ươm và chăm sóc cây con: Đã tuân thủ theo qui định và qui trình của ngành ban hành;
- Quản lý và sử dụng phân bón, hóa chất (bao gồm cả kho vật tư) được cải thiện so với năm 2023-2024 (thời kì bắt đầu thực hiện quản lý rừng bền vững). Các vườn ươm cung cấp cây con tại chỗ đã dần được thay thế bằng vườn ươm tập trung được xây dựng tại NT1 vào đầu năm 2025, với diện tích hiện tại là 0,97 ha (sẽ mở rộng thêm) và công suất là 68.000/0.98 ha/năm. Qui hoạch dự kiến diện tích sẽ là 5,65 ha (thêm lô d6), công suất thiết kế tùy theo năm tái canh, bình quân 100.000 cây/năm đến 500.000 cây/năm.



Hình 1. Vườn ươm qui hoạch theo qui định

- Quản lí rác thải trong gieo ươm tuân thủ theo đúng qui định;
- Hệ thống cấp nước và thoát nước được bố trí đầy đủ;
- Đã bố trí phương tiện vận chuyển cây con (xe tải nhỏ, Xám lò) khi xuất vườn; không xảy ra sự cố về môi trường khi thực hiện các hoạt động xây dựng và vận chuyển;
- Công nhân phụ trách phun thuốc trừ sâu được trang bị BHLĐ đúng qui định và kĩ thuật pha chế, phun thuốc được tập huấn đầy đủ.



Hình 2. CN phun thuốc BVTV khi tác nghiệp

1.2. Tác động tiêu cực

- Hồ thoát nước thải làm chưa đúng qui định, không được xây và có nắp đậy, bị đất lấp tới 50%; còn để nước thải sau khi tưới chảy trên bề mặt đất gây xói mòn rãnh;
- Quản lí cỏ dại chưa tốt; một số rãnh luống cây cao su chưa làm sạch cỏ, cỏ đã làm không được tập kết về nơi quy định mà để trên lối đi.



Hình 3. Hồ ga thoát nước chưa đúng qui định

1.3. Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

- Tiếp tục hoàn thiện qui chế, nội qui quản lí vườn ươm và ban hành;
- Xây dựng lại hệ thống thoát nước thải theo đúng qui định;
- Thực hiện giám sát thường xuyên đến các hoạt động quản lí vườn ươm.

Lưu ý: Mặc dù trong quá trình đánh giá chưa phát hiện các tác động tiêu cực gây ra bởi sử dụng phân bón và thuốc BVTV, nhưng Công ty cần lưu ý tuân thủ các yêu cầu sau của FSC và WHO:

- Đối với phân bón, nên sử dụng các loại phân hữu cơ, giảm thiểu sử dụng phân vô cơ, nếu phải sử dụng phân vô cơ nên sử dụng loại phân thân thiện với môi trường đó là những loại phân bón hoặc các chế phẩm có khả năng làm tăng hiệu suất sử dụng đạm thông qua việc hạn chế hoạt động của men phân giải Ureaza, men làm mất đạm, tăng khả năng lưu dẫn đạm cho cây trồng, hoặc sử dụng các loại phân bón dạng chậm tan (slow release fertilizer) để cây trồng hấp thụ phân bón một cách từ từ giúp tăng hiệu suất sử dụng chất dinh dưỡng, giảm chi phí, giảm ô nhiễm môi trường;
- Về kỹ thuật khi bón phân cần thực hiện theo nguyên tắc “năm đúng”: đúng loại phân, đúng lúc, đúng đối tượng, đúng thời vụ, đúng cách bón để góp phần tăng hiệu suất sử dụng phân bón, tránh lãng phí và giảm ô nhiễm môi trường;
- Đối với hóa chất, thuốc kích thích, thuốc phòng trừ sâu bệnh hại (gọi tắt là thuốc). Việc phòng trừ sâu bệnh hại trong gieo ươm, trồng, chăm sóc bảo vệ rừng cần phải thực hiện theo các nguyên tắc: phòng là chính; trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng, triệt để; và sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ dịch sâu bệnh hại;
- Chỉ sử dụng thuốc trong trường hợp thực sự cần thiết, tránh lạm dụng thuốc, nên dùng các loại thuốc ít độc đối với người, gia súc đặc biệt là các loại thuốc có thành phần không bị Nhà nước hoặc FSC cấm sử dụng. Khi sử dụng thuốc phải thực hiện theo phương châm “bốn đúng” là đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng lúc và đúng cách. Thuốc dư thừa sau khi sử dụng phải được quản lý, tiêu hủy theo đúng quy định đối với từng loại thuốc;
- Tất cả các loại thuốc phải đựng trong các chai, lọ, hộp, bao bì kín có nhãn hiệu với đầy đủ thông tin về thuốc, tên, thành phần, cách sử dụng, xuất xứ...; việc lưu giữ, bảo quản thuốc phải có kho riêng biệt, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, kho thuốc phải ở nơi cao ráo có tường kín, mái che, đặt xa nơi ở, xa khu dân cư. Việc xuất, nhập thuốc phải được ghi chép, cập nhật đầy đủ và quản lý chặt chẽ;
- Tất cả các loại thuốc mới sử dụng cần được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội (ESRA) như qui định của FSC.

2. Hoạt động trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng

Hiện tại Công ty đã xong giai đoạn xây dựng cơ bản nên hoạt động trồng rừng này chưa có, chờ khi thực hiện kế hoạch tái canh từ 2025-2026 mới có đánh giá.

Đánh giá hoạt động chăm sóc, bảo vệ rừng:

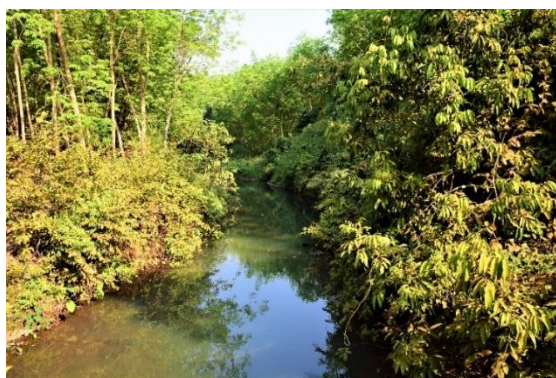
2.1. Tác động tích cực

- Hàng năm Công ty xây dựng phương án PCCCR và hướng dẫn các Nông trường thực hiện. Phối hợp với các cơ quan liên quan và cộng đồng địa phương phổ biến, tuyên truyền việc PCCCR và thực hiện tốt phương án đã đề ra. Trang bị đầy đủ các vật tư cần thiết cho việc phòng, chữa cháy rừng bao gồm cả đặt các biển cảnh báo ở những nơi có nguy cơ cao, dễ xảy ra cháy rừng;

- Trước năm 2023, công ty sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế sâu bệnh hại, trong đó có thành phần được khuyến cáo hạn chế sử dụng. Từ 2023 thực hiện QLRBV 2023, công ty đã ngừng sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật bao gồm cả thuốc diệt cỏ, thay thế bằng các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường;

- Giảm thiểu vật liệu cháy và ngăn chặn nguồn lửa gây cháy vào rừng. Không đốt rác dưới tán rừng;

- Bảo vệ nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trong khu vực;



Hình 4. BV dòng chảy



Hình 5. Lực lượng bảo vệ rừng của Công ty

- Thường xuyên cập nhật thông tin thời tiết, để dự báo nguy cơ cháy rừng từ đó có phương án phòng trừ;

- Lực lượng bảo vệ rừng được trang bị đồng phục và các công cụ hỗ trợ theo qui định.

2.2. Tác động tiêu cực

- Trong hai năm 2023 và 2024 trong phạm vi quản lý của Công ty có 2 vụ cháy rừng: lô B5.12 (diện tích 5,49ha) ở Nông trường 4, và lô 4.8 (diện tích 10,33ha) ở Nông trường 3, gây tác động tiêu cực về môi trường. Nguyên nhân cháy là do người dân đốt lửa trong rừng.



Hình 6. Cháy rừng tại lô B5.12 Nông trường 4

- Quản lý rác thải trong trồng rừng chưa tốt: còn rác thải trong khu rừng trồng; đốt rác ngay tại khu vực thu mủ; nhiều rác phía sau khu nhà ở công nhân; rác thải xung quanh hành lang ven suối; có hiện tượng ứ đọng rác và cây khô, chắn ngang dòng chảy; rác thải gom đốt sau nhà công nhân nhưng chưa hết;

Nguyên nhân: do nhiều công nhân mới được tuyển dụng chưa quen việc tuân thủ qui định quản lý rác thải đồng thời các hoạt động giám sát tại các NT sau thời gian đánh giá chính (2024) đã bị buông lỏng.



Hình 7. Rác thải sau tập trung ở ven rừng



Hình 8. Xử lý các phế thải chưa thân thiện với MT

2.3. Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

- Tăng cường giáo dục CNVC về ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất và trong sinh hoạt;
- Tổ chức dọn vệ sinh rừng sau trồng rừng theo đúng qui định;
- Phối hợp với chính quyền (bản) và cộng đồng địa phương tuyên truyền, giáo dục về ý thức bảo vệ rừng và môi trường;
- Tăng cường hoạt động giám sát trên hiện trường sản xuất.

3. Hoạt động khai thác lâm sản (gỗ và mủ cao su)

3.1. Tác động tích cực

3.1.1. Khai thác mủ

- Dụng cụ khai thác mủ và BHLĐ của công nhân được trang bị theo đúng qui định của ngành;



Hình 9. Trao dụng cụ khai thác mủ trong lễ ra quân

- Kỹ thuật khai thác mủ tuân thủ theo qui trình của ngành: từ mở máng, khai thác, thu gom, vận xuất, vận chuyển, bảo dưỡng...



Hình 10. Mở máng trong ngày ra quân

- Người lao động trực tiếp (khai thác mủ), cán bộ quản lý và giám sát của Công ty và các NT được hướng dẫn đầy đủ kỹ thuật cần thiết. (xem phụ lục 2 và 3)



Hình 11. Tập huấn cho CB giám sát kĩ thuật

3.1.2. Khai thác gỗ

Năm 2025, Công ty bắt đầu thực hiện khai thác gỗ sau khi hoàn tất chu kì kinh doanh mủ với diện tích 100 ha thuộc NT1. Đồng thời NT1 cũng khai thác diện tích trồng Điều chuyển sang trồng Sầu riêng với diện tích 32,48 ha (lô d3, d4, d5) bao gồm cả nhà điều hành (2,0 ha/lô 13.4). Quá trình đánh giá đã phát hiện các tác động tích cực sau:

- Khu vực khai thác đúng như kế hoạch và thiết kế của Công ty;
- Phương thức khai thác là khai thác trắng theo băng nhằm tránh gây tổn thất về môi trường và sản phẩm (đổ vỡ);



Hình 12. Hiện trường khai thác trắng theo băng

- BHLĐ của công nhân khai thác (cưa cây) được trang bị theo đúng qui định;



Hình 13. BHLĐ của công nhân cưa xẻ

- Phương tiện vận xuất và vận chuyển là ô tô tải loại nhỏ (vận xuất) và ô tô tải loại lớn (vận chuyển từ các khu vực tập trung gỗ). Không gây tác động xấu về môi trường và chưa phát hiện nguy cơ “sự cố tràn dầu”;
- Rác thải từ gỗ khai thác được xử lý tại chỗ.



Hình 14. Khai thác Điều phục vụ dự án trồng Sầu riêng tại NT1

3.2. Tác động tiêu cực

3.2.1. Khai thác mỏ

- Khu nhà ở tập trung cho gia đình công nhân khai thác chưa tuân thủ các qui định về điều kiện an toàn vệ sinh môi trường;



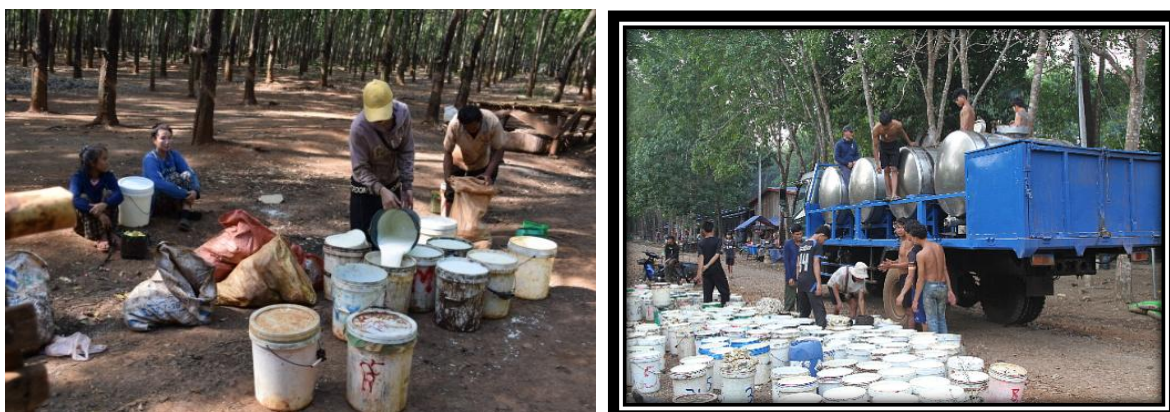
Hình 15. Khu nhà ở của CN khai thác mỏ tại NT1

- Khu tập kết mỏ còn nhiều rác thải của quá trình sản xuất: dây thép đỡ bờ hứng mỏ, bát hứng mỏ hỏng....



Hình 16. Rác thải còn nhiều tại khu vực sản xuất

- Người lao động chưa mặc BHLĐ theo qui định;



Hình 17. CN khai thác mủ không mặc BHLĐ theo qui định

3.2.2. Khai thác gỗ

- Kỹ thuật khai thác gỗ (cắt gáy, mở miệng) chưa tuân thủ qui định của khai thác giảm thiểu tác động (RIL). Có thể gây mất an toàn cho người lao động và có thể gây đổ vỡ không đáp ứng bảo vệ môi trường. Nguyên nhân do nhà thầu chưa hiểu hết yêu cầu của FSC trong khai thác và cán bộ giám sát chưa làm hết trách nhiệm của mình;



Hình 18. Gốc chặt chưa đúng kỹ thuật RIL

- Khu nhà (lán) ở của công nhân khai thác gỗ không đảm bảo an toàn, vệ sinh và sinh hoạt cho người lao động;



Hình 19. Lán ở của CN khai thác gỗ chưa đạt tiêu chuẩn

3.3. Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

- Tăng cường giáo dục CNVC về ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất và trong sinh hoạt;
- Tổ chức dọn vệ sinh rừng sau khai thác rừng (mủ, gỗ) theo đúng quy định;
- Công ty đã ký hợp đồng với cơ quan dịch vụ môi trường để vận chuyển và xử lý rác thải cho văn phòng công ty, Nông trường 1, Nông trường 3 và nhà máy chế biến mủ Cao su, còn Nông trường 2 và Nông trường 4 vẫn phải tự xử lý rác tại chỗ.
- Tăng cường hoạt động giám sát và phân cấp rõ trách nhiệm giám sát trên hiện trường sản xuất;
 - Tiếp tục sửa chữa và xây dựng mới các khu nhà ở tập trung cho người lao động đáp ứng các yêu cầu của luật Lao động và tiêu chuẩn FSC;
 - Phối hợp cùng chính quyền và cộng đồng địa phương xây dựng các khu nhà trẻ, mẫu giáo, trường học phù hợp;
 - Không sử dụng xe quá khổ, chở vượt trọng tải để vận chuyển gỗ;
 - Xe vận chuyển, xe máy hoặc xe xam lò để vận xuất cần đảm bảo chất lượng, trên xe ô tô, nơi giao nhận mủ hoặc bãi gỗ, nơi sinh hoạt phải có vật tư để xử lý khi xảy ra sự cố tràn dầu; người lao động phải có kiến thức và phát hiện để xử lý kịp thời khi sự cố tràn dầu (nếu có). Xe vận chuyển phải có bình cứu hỏa và vật tư xử lý sự cố tràn dầu, không vận chuyển gỗ khi trời mưa và ngay sau cơn mưa;
 - Tuyên truyền hướng dẫn cho CBCNV và người dân trong khu vực về tác hại của rác thải, hướng dẫn kỹ năng thu gom xử lý rác thải, tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm, đồng thời phải xây dựng nhà vệ sinh, bố trí, trang bị dụng cụ chứa rác phù hợp tại hiện trường và nơi sinh hoạt công cộng;
 - Đối với rác thải khó phân hủy và rác thải độc hại, không thể xử lý tại chỗ ở Nông trường 2 và Nông trường 4 Công ty cần tìm và ký hợp đồng với cơ quan, đơn vị

có chức năng thu gom, xử lý rác để họ vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Nhà nước Lào. hoặc đề nghị phòng TNMT, phòng Nông Lâm huyện Lau Ngam hỗ trợ hướng giải quyết.

4. Hoạt động bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học và sinh thái bản địa

4.1. Tác động tích cực

- Hệ thống khu vực hành lang BVVS và mẫu sinh thái bản địa đã được thiết lập và bảo vệ từ năm 2023 và 2024; số liệu thông tin, tọa độ địa lí và bản đồ được lưu trữ đầy đủ trong hệ thống tài liệu của Công ty;
- Các qui định bảo vệ, duy trì, phát triển các diện tích đặc thù này đã được ban hành bằng 2 ngôn ngữ Lào, Việt và thông tin trên Website của Công ty cũng như thông báo đến chính quyền địa phương (bản, huyện) cùng phối hợp tuyên truyền bảo vệ;
- Đã cải thiện hệ thống quản lý, bảo vệ HLVS và khu kết nối ĐDSH: biển cảnh báo đã được bổ sung ngôn ngữ địa phương để người dân và công nhân được biết; cọc mốc đánh dấu trên thực địa được đóng; các khu vực hành lang bảo vệ ven suối và hành lang đa dạng sinh học đã được bảo vệ tốt hơn năm 2024;



Hình 20. Biển báo HLBVVS bằng tiếng Lào-Việt



Hình 21. Khu vực hành lang ven suối của NT4

- Các khu vực có nguy cơ cao về các loài rắn độc hoạt động đã được đặt biển cảnh báo bằng 2 thứ tiếng.



Hình 22. Biển cảnh báo khu vực có rắn độc

4.2. Tác động tiêu cực

- Còn khai thác mủ cao su trong diện tích bảo vệ HLVS (lô 8.2a) nông trường 1;
- Hiện tượng trộm dây thép gai hàng rào bảo vệ khu vực mẫu STBĐ chưa được khắc phục. Khu vực lô mẫu ĐDSTBĐ E 2.8 thuộc NT 2 có hoạt động xâm lấn của dân (hàng rào kẽm gai bị phá hủy), có tác động của dân đến lớp thực bì tái sinh trong khu vực mẫu.

- Người dân vẫn đốt thực bì (lô 1.2 nông trường II) Lô 2.8 2.9 Sinh thái bản địa, NT2, làm đất để trồng sắn ở phần diện tích đất giáp với HLVS của nông trường mà chưa có biện pháp khắc phục.



Hình 23. Dân đốt thực bì trồng sắn

- Mặc dù NT3 đã có quy định cấm đổ rác vào HLVS nhưng tại lô 2.1a tổ 4 người dân vẫn vất rác thải vào khu vực HLVS mà chưa được thu gom và xử lý kịp thời.
- Công ty chưa gửi công văn đến các bản để tuyên truyền bảo vệ vùng đệm tiếp giáp nhưng không nằm trong diện tích của Công ty (kết quả phỏng vấn trưởng bản 11 nông trường 1) để người dân cùng thực hiện.

4.3. Các biện pháp giảm thiểu

- Tư vấn sẽ hỗ trợ hỏi tổ chức GFA xem có được phép khai thác mỏ trong khu vực hành lang bảo vệ ven suối hay không? Để làm cơ sở cho hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương (các bản) nhằm bảo vệ tốt diện tích mẫu đại diện sinh thái bản địa, khu vực hành lang BVVS và vệ sinh môi trường trong khu vực;
- Có công văn gửi các bản phối hợp bảo vệ vùng đệm.

5. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông

- Công ty đã thực hiện xong giai đoạn kiến thiết cơ bản, hiện tại hệ thống đường vận xuất, vận chuyển đã đưa vào sử dụng một cách ổn định. Ngoại trừ cải thiện và xây dựng mới các khu ở tập trung cho người lao động đang được tiếp tục. Vì vậy các sự cố lớn về môi trường hầu như không có nguy cơ xảy ra; tuy nhiên cũng cần lưu ý đến các tác động tiêu cực từ việc xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông có thể xảy ra để ngăn chặn kịp thời:

- Việc xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà ở giao thông bao gồm cả làm mới và nâng cấp, sửa chữa) không chỉ làm thay đổi mục đích sử dụng đất mà còn ảnh hưởng đến môi trường.

Không phải do hoạt động quản lí (trồng rừng) mà do địa hình của khu vực nên hệ thống thoát nước tại một số điểm của rừng trồng chưa hợp lí, gây xói mòn rãnh cục bộ. Ví dụ: Tại khu vực lô 7.8a KH, NT1.



Hình 24. Xói mòn rãnh tại lô 7.8a KH

Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

- Hệ thống đường vận xuất, vận chuyển của Công ty tương đối hoàn chỉnh nên Công ty chỉ thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng cầu cống thoát nước, đập tràn, đổ đá xô bờ chống lầy đường lô ở những nơi bị hư hại và trong tương lai có thể sẽ nâng cấp một số tuyến.

- Thường xuyên làm khô ráo mặt đường, nền đường, đảm bảo đường êm, thuận không có nước ứ đọng trên mặt đường; bồi đắp những nơi mặt đường bị sụt, lún, ổ gà; nạo vét khơi thông cống, rãnh, dòng chảy, sửa chữa đường ngầm, đường tràn, cầu cống bị hư hỏng.

- Cần tạo hướng dòng chảy mới để điều hướng dòng chảy của nước, giảm tốc độ xói mòn ở các khu vực có nguy cơ xói mòn cao.

- Giám sát thường xuyên khu vực, phát hiện kịp thời các tác động tiêu cực, bao gồm cả thời gian sau khi tạo hướng dòng chảy mới.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của CBCNV và cộng đồng địa phương về tác hại của xói mòn đất.

6. Quản lý vật tư, hóa chất

6.1. Tác động tích cực

Nhận xét chung: Sau đợt đánh giá tháng 2 năm 2025 với các phát hiện tác động tiêu cực về hệ thống quản lý các kho vật tư, hóa chất; Công ty đã chấn chỉnh lại hệ thống quản lý và đã có những tác động tích cực rõ rệt:

- Hệ thống nhà kho của cả 4 NT đều đã được sắp xếp lại và thực hiện công tác vệ sinh an toàn cho người lao động và vật tư; đặc biệt đối với hóa chất;
- Tất cả các kho đều có nội quy “ra vào kho” đối với thủ kho và khách hàng;
- Công ty đã ban hành và yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện “Nội quy quản lý kho vật tư, hóa chất”;
- Thực hiện ghi chép đầy đủ số lượng, chủng loại vật tư hóa chất nhập và xuất theo qui định.



Hình 25. Nhà kho vật tư, hóa chất NT1 và rác thải được dọn sạch và phân loại

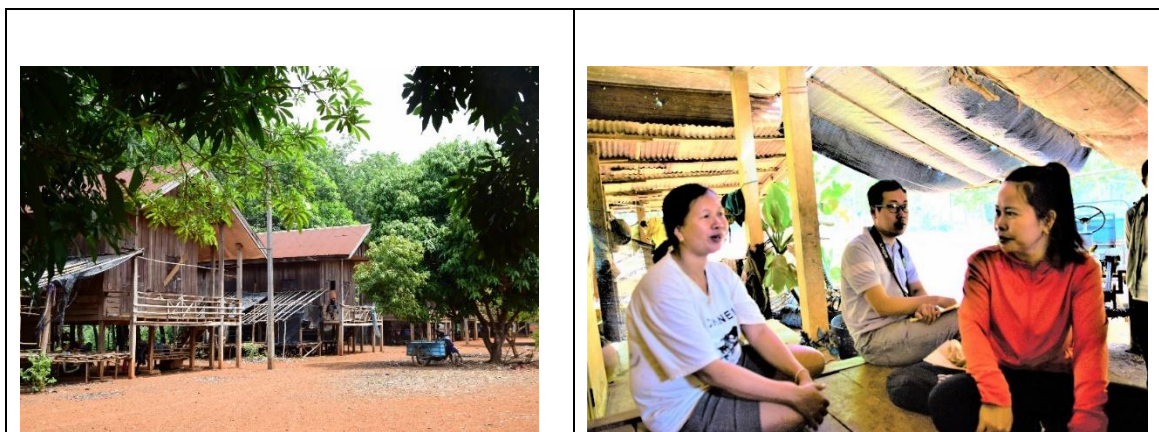
6.2. Tác động tiêu cực

Tại thời điểm đánh giá chưa phát hiện được các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường trong hoạt động quản lý vật tư, hóa chất.

7. Quản lý các khu nhà ở tập trung của người lao động

7.1. Tác động tích cực

- Các khu nhà ở tập trung của người lao động đã và đang được cải thiện dần đáp ứng yêu cầu tối thiểu về điều kiện sinh hoạt và vệ sinh an toàn;



Hình 26. Khu nhà ở của người LĐ tại NT1

- Công ty đã ban hành các nội qui, qui chế khu nhà ở tập trung của người lao động;
- Đã phối hợp tốt với chính quyền cấp bản và cộng đồng địa phương trong bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội đặc biệt là nạn ma túy và trộm cắp mủ.



Hình 27. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan an ninh địa phương

7.2. Các tác động tiêu cực

- Điều kiện sinh hoạt của một số khu nhà ở của công nhân chưa đáp ứng yêu cầu của FSC; ví dụ: rãnh thoát nước trước và sau khu nhà ở cụm công nhân của tổ 8 Nông trường II có nhiều chỗ đọng nước và rác thải là nơi trú ngụ của các loại muỗi, các loại côn trùng, rắn, bọ cạp...là nguy cơ gây hại cho sức khỏe công nhân;
- Dụng cụ sau thu hoạch mủ còn mang về khu nhà ở rửa, gây tác động tiêu cực về môi trường và không an toàn về sức khỏe cho người lao động;



Hình 28. Rửa xô đựng mũ dưới suối và tại vòi nước ngay sát khu vực lán trại

- Mặc dù Công ty đã có các văn bản, biện pháp dọn rác nhằm hạn chế nạn rác thải trong các khu vực nhà ở tập trung của công nhân, nhưng vẫn nạn rác thải trong các khu lán trại vẫn còn là vấn đề nạn giải, ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của người lao động.



Hình 29. Rác thải ở khu nhà ở của CN tại NT3

7.3. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

- Tăng cường tuyên truyền, giám sát các hoạt động tại các khu nhà ở tập trung;
- Tiếp tục xây dựng mới và nâng cấp các khu nhà ở tập trung người lao động của Công ty đáp ứng điều kiện sinh hoạt của công nhân và an toàn về môi trường;
- Trang bị đầy đủ các túi sơ cứu và dụng cụ PCCC tại các khu ở tập trung người lao động.

II. Kết quả đánh giá tác động xã hội từ các hoạt động quản lý

Biểu 3. Các nội dung chính cần đánh giá tác động xã hội

TT	Hoạt động cần đánh giá	Tích cực	Tiêu cực
I	Với cộng đồng địa phương		
1	Đóng góp cho phát triển kinh tế, an sinh và trật tự an ninh xã hội của cộng đồng địa phương; các hoạt động từ thiện,	X	

	phúc lợi xã hội		
2	Ảnh hưởng của các chính sách, qui định về hoạt động quản lí rừng đến kinh tế-xã hội-môi trường;	X	X
3	Sự quan tâm đặc biệt đối với các nhóm người dễ bị tổn thương bao gồm đồng bào DT ít người, phụ nữ, trẻ em, người già cô đơn...;	X	
4	Quan hệ giữa Công ty với cơ quan quản lí có liên quan và cộng đồng địa phương;	X	X
5	Bảo tồn các tập tục, văn hóa, giá trị tinh thần của cộng đồng;	X	X
6	Chính sách tuyển dụng lao động địa phương.	X	X
7	Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường thông qua tập huấn, tuyên truyền;	X	X
II	Với người lao động của Công ty		
1	Tổ chức quản lý chất lượng lao động theo luật pháp của Lào. VN, Quy định FSC, công ước ILO;	X	X
2	Chính sách tuyển dụng người lao động;	X	X
3	Chính sách đãi ngộ vật chất: lương, thưởng, phép, nghỉ mát, các phụ cấp khác, đóng BHYT, BH thất nghiệp, BHXH...; chăm lo đời sống sức khỏe và tinh thần cho cán bộ và công nhân và gia đình họ;	X	X
4	Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực: tay nghề, quản lí....;	X	X
5	Chế độ bảo hộ an toàn lao động cho cán bộ và công nhân trong quá trình sản xuất;	X	X
6	Thực hiện chế độ dân chủ cơ sở, các tổ chức xã hội nghề nghiệp;	X	X

1. Tác động tích cực

- Kể từ khi thành lập và tổ chức kinh doanh, Công ty đã chú trọng các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế và xã hội của các địa phương trên địa bàn hoạt động của Công ty. Sau khi có chứng chỉ rừng FSC FM, các hoạt động hỗ trợ địa phương của Công ty

mang tính thiết thực tập trung chủ yếu vào các hoạt động: xây dựng hạ tầng cơ sở trường trạm, đường, hỗ trợ nâng cấp các văn phòng làm việc, nhà văn hóa; hỗ trợ tổ chức các hoạt động văn hóa lễ hội, tết; hỗ trợ phòng chống ma túy và an ninh trật tự xã hội; hỗ trợ các cơ sở y tế và cứu hộ; sửa trường học, sửa văn phòng bản, dụng cụ học tập cho học sinh...Đóng góp phát triển kinh tế xã hội của địa phương trên địa bàn hoạt động của Công ty trong giai đoạn từ tháng 12/2024 đến tháng 4/2025 được tổng hợp theo biểu 4 dưới đây:

Biểu 4. Tổng hợp kinh phí hỗ trợ địa phương giai đoạn từ tháng 12/2024-4/2025

TT	Thời gian	Nội dung hỗ trợ	Số kinh phí đã hỗ trợ (LAK)
1	11/02/2025	Hỗ trợ huyện Pathumphone tổ chức Đại hội Đảng	2,000,000
2	28/02/2025	Hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Lào xây dựng đất nước tỉnh Champasak	3,000,000
3	28/02/2025	Hỗ trợ lễ hội cà phê vàng huyện Laongam	5,000,000
4	06/03/2025	Hỗ trợ Sở LĐ & PLXH tỉnh Champasak	3,000,000
5	14/03/2025	Hỗ trợ Huyện LaoNgam	50,000,000
6	14/03/2025	Hỗ trợ công an huyện Lào Ngam	20,000,000
7	15/03/2025	Hỗ trợ Huyện Pathumphone	50,000,000
8	17/03/2025	Hỗ trợ sở TNMT và sở LĐ-PLXH Tỉnh Salavan	15,000,000
9	20/03/2025	Hỗ trợ công đoàn tỉnh Champasak	6,375,000
10	31/03/2025	Hỗ trợ công an tỉnh Champasak	50,000,000
11	10/04/2025	Hỗ trợ công an huyện Pathumphone	3,000,000
12	10/04/2025	Hỗ trợ sở Nông lâm tỉnh Champasak	2,000,000
13	10/04/2025	Hỗ trợ sở TNMT Tỉnh Champasak	3,000,000
		Tổng cộng	212,375,000

- Các Ban quản lý bản được Công ty hỗ trợ phụ cấp hàng tháng và Nông trường tham gia các hoạt động của bản;

- Đã hỗ trợ đầu tư, trang thiết bị cho các Bản, các cơ quan liên quan. Năm 2024 Công ty và các nông trường đã hỗ trợ 472.620.000 kíp, nhiều hơn so với mức hỗ trợ năm 2023 là 188.505.000 kíp. Năm 2025 Công ty tiếp tục hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học ở địa phương, ví dụ: 3 phòng học cho bản Lòm Sắc Nửa và hỗ trợ sửa đường từ bản tới công ty nước; hỗ trợ tiền và tặng quà cho các bản nhân Bun Pi May 2025 (1 triệu Kip/bản), 1 con bò (bản Đồng Luống)...;

- Mọi quan hệ, hợp tác giữa Công ty và chính quyền địa phương được nâng lên bước mới thông qua các cam kết được kí giữa các bên nhằm phối hợp tốt trong hoạt động giữ gìn trật tự, an ninh xã hội trong vùng hoạt động của Công ty; đặc biệt trong phòng chống trộm cắp sản phẩm và chống tệ nạn ma túy;



Hình 30. Lễ kí hợp tác song phương với huyện Pathumphon



Hình 31. Kí kết hợp tác với cơ quan AN địa phương

- Ý thức của người dân về công tác QLBV và PCCCR được nâng cao, hạn chế các nguy cơ cháy rừng; hạn chế nạn tranh chấp, lấn chiếm đất đai; hạn chế hoạt động khai thác bất hợp pháp gỗ và các lâm sản khác;
- Các hoạt động quản lý rừng của Công ty đã gây ảnh hưởng tích cực đến đời sống của người dân địa phương: tăng độ phì nhiêu của đất, giữ ổn định nguồn nước; bảo vệ môi trường khu vực;
- Công ty hiện tại và trong tương lai tiếp tục xây dựng các khu nhà ở cho công nhân tại các nông trường. Năm 2024 Công ty đã xây dựng 21 cụm nhà ở với 572 phòng tại 4 nông trường, xây 10 cụm với 120 phòng vệ sinh ở các tổ thuộc nông trường 1, 2 và 3; cải tạo, tu sửa các nhà cũ, xây dựng nhà ăn mới và một số hạng mục phụ trợ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân;
- Chính sách đãi ngộ với người lao động ngày càng được cải thiện nhất là trong năm 2025 (xem chi tiết tại phụ lục 1 của báo cáo này) đã giúp cho người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty; lương của người lao động được cải thiện, nâng cao;
- Người lao động được trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động.



Hình 32. Đồng phục lao động của CN khai thác gỗ

- Cung cấp việc làm, cải thiện đời sống cư dân. 85,7% số Bản được tham vấn cho biết cư dân của Bản đã được Công ty tuyển dụng làm việc ở các nông trường. Đời sống của người dân cũng được cải thiện từ khi có Công ty.

BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH LƯƠNG NĂM 2025 SO VỚI NĂM 2024					
STT	Đối tượng	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % 2025/2024
1	Lao động gián tiếp	USD	614.74	738.03	120.06%



Hình 33. Người LĐ nhận nhu yếu phẩm hỗ trợ từ CT

- Chính sách tuyển dụng lao động luôn ưu tiên cho người địa phương, cộng đồng dân tộc ít người, nhóm người dễ bị tổn thương. Bình đẳng giới trong tuyển dụng, hiện tại số lao động nữ là 1.036 người/2.658 người (chiếm 38,97%);
- Công ty đã hỗ trợ cho người lao động bao gồm cả khối gián tiếp và trực tiếp đóng BHXH theo luật Lao động. Số liệu thống kê dưới đây cho thấy hướng cải thiện việc đóng BHXH ngày càng tốt hơn³:

Biểu 5. Tổng hợp đóng BHXH cho người lao động Việt Nam⁴

TT	Đơn vị	Số người		Tỉ lệ % đã đóng		Nguồn (%)	
		Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	CT hỗ trợ	Người LĐ
I	VP Công ty	86		100%		21.5%	10.5%
II	Đơn vị trực thuộc	91	1	100%	20%	21.5%	10.5%
1	NT 1	18		100%			
2	NT 2	17		100%			
3	NT 3	19		100%			
4	NT 4	17		100%			
5	Nhà máy CB	20		100%	20%		
	Tổng	177	1	100%	20%		

Biểu 6. Tổng hợp đóng BHXH người lao động Lào⁵

TT	Đơn vị	Số người		Tỉ lệ % đã đóng		Nguồn (%)	
		Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	CT hỗ trợ	Người LĐ
I	VP Công ty	9	0	100%		6%	5.5%

³ Năm 2023 chỉ có 11,8% số CBCNV tham gia đóng BHXH

⁴ Thống kê đến 30/4/2025

⁵ Thống kê đến 30/4/2025

II	Đơn vị trực thuộc	14	682	100%	28.1%	6%	5.5%
1	NT 1	4	129	100%	19.3%		
2	NT 2	3	184	100%	32.8%		
3	NT 3	2	86	100%	13.3%		
4	NT 4	3	203	100%	45.2%		
5	Nhà máy CB	2	80	100%	80%		
	Tổng	23	682	100%	28.1%		

1. Tác động tiêu cực

- Còn trẻ em nghỉ học theo bố mẹ ra lô rừng sản xuất, vi phạm tiêu chuẩn FSC và Công ước quốc tế về trẻ em; không tuân thủ Quy định của FSC, không bảo đảm An toàn tối thiểu cho trẻ em. Ví dụ: khu tập kết mủ Tổ 7 lô 5.7a và Tổ 3 lô 4.1, tổ 9 nông trường II; tổ 5 nông trường I; Tại tổ 5 nông trường VI;



Hình 34. Còn có trẻ em trong khu vực sản xuất

- Dụng cụ sau thu hoạch mủ mang về khu ở của người lao động rửa dưới suối hoặc tại vòi nước ngay sát khu vực lán trại của công nhân (do chưa có bể chứa để rửa xô, thùng); gây tác động xấu đến môi trường và sức khỏe của người lao động;
- Đặc điểm canh tác là trồng rừng tập trung do đó vẫn còn gây các tác động tiêu cực như: ảnh hưởng của khói bụi, tiếng ồn; ô nhiễm không khí và đất; hệ thống đường của địa phương bị tác động bởi xe có trọng tải lớn;
- Giai đoạn kiến thiết cơ bản có những mâu thuẫn trong giải phóng mặt bằng, đền bù, nhưng nay không còn;
- Ở một số khu vực vẫn còn hiện tượng người dân xâm lấn đất do các NT quản lý (thuê hợp pháp của Chính phủ Lào); người dân vẫn đốt thực bì (lô 1.2 nông trường II) hoặc làm đất để trồng sản ở phần diện tích đất giáp với HLVS của nông trường mà chưa có biện pháp khắc phục.



Hình 35. Dân đốt thực bì tại khu vực tiếp giáp HLBVVS NT2.



Hình 36. Túi sơ cứu tại khu ở của người lao động NT2 và NT3

- Các trang bị sơ cứu, an toàn và PCCC cho người lao động tại một số khu ở tập trung chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo qui định.

2. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương (bản, huyện) giải quyết thỏa đáng các hiện tượng xâm lấn đất đai phù hợp với qui định của pháp luật;
- Hệ thống đường vận xuất, vận chuyển của thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng cầu cống thoát nước, đập tràn, đổ đá xô bờ chống lầy đường lô ở những nơi bị hư hại và trong tương lai có thể sẽ nâng cấp một số tuyến;
- Sử dụng phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;
- Yêu cầu các đơn vị trực thuộc cần thực hiện qui định không cho trẻ em vào khu vực sản xuất tuân theo tiêu chuẩn FSC và luật Lao động;

- Yêu cầu các đơn vị trực thuộc (NT) thực hiện bổ sung túi sơ cứu theo đúng qui định cho người lao động theo tiêu chuẩn FSC và RIL.
- Công ty cần ban hành thông báo về mức lương đối với cán bộ, công nhân viên theo từng giai đoạn. Khi có thắc mắc từ công nhân về tiền lương, kế toán các đơn vị sẽ giải thích rõ ràng theo bảng sản lượng mở khai thác (thường bảng tổng hợp sản lượng mở khai thác sẽ được gửi về các tổ để xác nhận trước khi tính lương).
- Tỷ lệ người lao động nhất là khối trực tiếp tham gia BHXH đã tăng, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Công ty cần phối hợp với phòng BHXH tuyên truyền về những lợi ích của việc tham gia BHXH đến các Nông trường. Công ty tiếp tục có chính sách hỗ trợ CN trong việc đóng bảo hiểm xã hội;
- Tháng 2/2025, khi phỏng vấn CBNV của Công ty được biết Công ty chỉ thực hiện khám sức khỏe cho lao động trực tiếp, chưa tổ chức khám cho CBNV thuộc khối lao động gián tiếp tại VP công ty và các đơn vị trực thuộc. Hiện nay Công ty đã có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho CBNV khối gián tiếp vào cuối tháng 6/2025;
- Tăng cường hoạt động giám sát của các cấp quản lý và tuyên truyền nhắc nhở người lao động tuân thủ qui định Luật Lao động và tiêu chuẩn FSC. Phối hợp với chính quyền bản và các cơ quan liên quan để giải quyết những vấn đề có liên quan đến xã hội trên địa bàn: đất đai, an ninh trật tự xã hội, bảo vệ rừng....
- Phối hợp với chính quyền và cộng đồng địa phương. Tổ chức thường xuyên các chiến dịch dọn rác thải sản xuất và sinh hoạt trong khu vực.

III. Kết quả tham vấn các bên liên quan về tác động môi trường và xã hội

1. Tác động tích cực

1.1. Từ người lao động của Công ty

- Trang bị BHLĐ của CN khai thác mỏ được cải thiện, công nhân khai thác được phát: áo + dao cạo + thùng đựng mũ + mũ + đèn pin+ áo mưa + ủng.
- Chế độ đãi ngộ và phụ cấp hỗ trợ tăng:
 - Hàng năm, khi công nhân khai thác đạt sản lượng và tay nghề sẽ được Công ty hỗ trợ nhu yếu phẩm. Năm nay, tất cả công nhân khai thác đều được nhận hỗ trợ nhu yếu phẩm và công nhân vượt sản lượng đều sẽ được hỗ trợ; được hỗ trợ thêm 25.000 kíp/ngày;



Hình 37. Phỏng vấn người lao động NT1

- Năm 2025, NT1 có tổng số 667 công nhân, trong đó có 130 công nhân quay lại làm việc đã tham gia BHXH (chiếm 19%);
- Công nhân được nhận thêm các khoản phúc lợi: quà tết, lễ ra quân, phổ biến chính sách, 1/5, 2/12, 1/1 và đi làm không nghỉ Bun lễ nhận thêm phụ cấp; cán bộ Công ty nhận thêm phụ cấp điện thoại + xăng xe hàng tháng;



Hình 38. Phỏng vấn CBNV NT1

- Lán trại công nhân sạch sẽ hơn, thường xuyên nhắc nhở công nhân dọn dẹp vệ sinh;
- Từ khi có chứng chỉ FSC vấn đề môi trường và vệ sinh được quan tâm hơn;
- Được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng và 25.000 kíp/ngày làm việc. Chi phí hỗ trợ được lĩnh hàng tuần. Phúc lợi dành cho công nhân khai thác tốt hơn nhiều;



Hình 39. Phỏng vấn người lao động tại khu nhà ở

- Công nhân hiểu hơn lợi ích của BHXH và BHYT

1.2. Từ chính quyền địa phương (bản)

- Công ty tôn trọng phong tục và các địa điểm truyền thống của bản; các hoạt động khai thác của Công ty không gây ảnh hưởng đến bản.



Hình 40. Phỏng vấn trưởng bản

- Nông trường có gửi văn bản đến bản về việc không săn bắt động vật hoang dã, bảo vệ rừng, bảo vệ rừng, không lấn chiếm đất đai, → trưởng bản đã họp phổ biến cho người dân;

- Công ty phối hợp với bản tổ chức tốt lễ ra quân năm 2025;



Hình 41. Lễ ra quân 2025 của NT1 có sự tham gia của LD các bản

- Được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng và Nông trường đã phối hợp tham gia các hoạt động của bản.
- Trước đây, bản lo về chất lượng nguồn nước nhưng hiện nay đã biết Công ty không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nên đảm bảo chất lượng nguồn nước của bản;
- Công ty không xâm lấn đất của cộng đồng địa phương. Công ty kiểm tra, rà soát các khu vực, nếu người dân của bản lấn đất của công ty thì bản sẽ phối hợp để giải quyết;
- Công ty đã hỗ trợ làm đường, làm cầu, các cơ sở hạ tầng của địa phương.
- Có thông báo tới bản việc xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ rừng từng năm;
- 2 năm gần đây, Công ty hỗ trợ nhiều hơn cho công nhân khai thác → đời sống ổn định hơn → trộm mủ ít xảy ra hơn;
- CT hỗ trợ các ngày lễ của cộng đồng địa phương bằng tiền và hiện vật;
- NT có văn bản thông báo tới các bản phối hợp tuyên truyền giảm thiểu ăn trộm mủ. Khi có công nhân ăn trộm mủ phát hiện thuộc bản → trưởng bản phối hợp xử lý cùng NT; bản thông báo, tuyên truyền qua loa phát thanh cho người dân không trộm cắp mủ; bản đã phối hợp cùng Nông trường làm việc với hộ dân để xử lý hiện tượng lấn chiếm đất của công ty.

1.3. Kết quả tham vấn các cơ quan địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, đã có Giấy chứng nhận môi trường và không xảy ra sự cố nào về môi trường;
- Trước khi thực hiện dự án, Công ty đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng hiện nay chưa cập nhật;
- Hoạt động khoan giếng không được

thực hiện bừa bãi tránh gây ảnh hưởng tài nguyên đất và nước → cần có kế hoạch sử dụng nước, đăng ký và nộp phí theo quy định;

- Đối với giám sát về môi trường: tỉnh thực hiện 2 lần/năm, huyện thực hiện 4 lần/năm.

- Khi Công ty thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa đã thực hiện thủ tục qua Sở theo đúng quy định.



Hình 42. Tham vấn phòng TNMT huyện Pathumphon

2. Các tác động tiêu cực

- Trước khi thực hiện dự án, Công ty đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng hiện nay chưa cập nhật. Hiện tại, Công ty chưa làm lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (2 báo cáo cho 2 hợp đồng tô nhượng);

- Hoạt động khoan giếng cần được thực hiện bừa bãi tránh gây ảnh hưởng tài nguyên đất và nước → cần có kế hoạch sử dụng nước, đăng ký và nộp phí theo quy định;

- Công ty chưa làm việc với các bản, tìm khu vực xử lý rác tập trung, tạo điều kiện cho các bản sử dụng chung.

- Chưa có báo cáo về Công ty sẽ trồng loài cây nào, kế hoạch thực hiện chu kỳ kinh doanh thứ 2

- Chưa cử nhân viên chuyên trách theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật và phối hợp cùng các sở, ban ngành;

3. Nhận xét chung và đề xuất của các bên liên quan

- Kết quả đánh giá tác động xã hội đã trình bày trên đây cho thấy:

- Công ty chấp hành đúng các quy định của CHDCND Lào, thực hiện nghiêm túc chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách xã hội và nghĩa vụ về thuế; có mối quan hệ tốt với các bản, huyện và địa phương.

- Công ty đã thực hiện tốt các chính sách đối với CBCNV trong Công ty, hai năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thu nhập của CBCNV tăng, phúc lợi xã hội, nhà ở đối với người lao động được cải thiện. Tuy nhiên việc vận động công nhân tham gia bảo hiểm và thực hiện các chính sách về sức khỏe và an toàn lao động còn nhiều bất cập.

- Các bên đều mong muốn Công ty tuyển dụng nhiều hơn nữa người địa phương và cải thiện tăng tiền lương cho người lao động.

• Kiến nghị, đề nghị của các bên liên quan: tập trung vào 3 nhóm nội dung sau:

- Đầu tư, hỗ trợ: Công ty tiếp tục hỗ trợ đầu tư xây dựng, trang bị cho các địa phương, chi phí tuyên truyền, chi phí giám sát liên quan đến quản lý rừng;

- Phối hợp để cùng quản lý như khi Công ty cần tham vấn khi ban hành các văn bản liên quan đến chính sách đối với người lao động, giải quyết về rác thải, lấn chiếm đất, trộm cắp mủ, tuyển dụng và sa thải lao động;

- Chia sẻ thông tin: Công ty cung cấp kết quả quản lý rừng (SXKD), chính sách, chế độ đối với công nhân, kết quả giải quyết các vụ việc đã phối hợp.

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

i. Về tác động tiêu cực đến môi trường: tác động tiêu cực từ các hoạt động quản lý rừng của Công ty Daklaoruco đến môi trường được xác định ở mức ít ảnh hưởng, nguyên nhân là do Công ty luôn quan tâm nâng cao nhận thức và kỹ năng quản lý rừng cho CBCNV nhất là người lao động, Công ty cũng đã ban hành nhiều văn bản trong đó có các quy trình kỹ thuật đồng thời giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy trình đó.

ii. Tuy nhiên do diện tích quản lý rất rộng và phân tán, lực lượng lao động đông, có những bước công việc phải thực hiện vào đêm và ở ngoài trời (trích mủ cao su) nên không thể tránh khỏi những khiếm khuyết trong quản lý, dẫn tới một số hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và đa dạng sinh học, trong đó phải kể đến là việc quản lý rác thải tại hiện trường và nơi ở của công nhân.

iii. Về tác động đối với xã hội, Công ty đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến chính sách đối với người lao động như về bình đẳng giới, giải quyết việc làm, lương và phụ cấp, bảo hiểm, hỗ trợ tiền và hiện vật nhằm chăm lo sức khỏe và an toàn cho người lao động, giải quyết tranh chấp giữa Công ty với người lao động... nên những tác động tiêu cực gây ra từ các hoạt động quản lý rừng cũng được xác định là ở mức thấp. Song do số lượng công nhân của Công ty rất lớn (gần 2.500 công nhân) đa phần là đồng bào các dân tộc ít người, có trình độ dân trí thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có thói quen sinh hoạt theo truyền thống (nơi ăn, ở, vệ sinh....) chưa phù hợp nên việc quản lý những lao động này chấp hành đúng quy định, chính sách có liên quan đến xã hội của Nhà nước

Lào và FSC là một thách thức không nhỏ đối với Công ty như việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội, không sử dụng lao động trẻ em trong khai thác, thực hiện quy định về an toàn lao động, về thu gom và xử lý rác thải vẫn còn nhiều bất cập....

2. Kiến nghị

Để quản lý bền vững diện tích đất và rừng Cao su mà Công ty đang quản lý theo đúng yêu cầu của Bộ Tiêu chuẩn quốc gia tạm thời của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (FSC-STD-LAO-01-2020 EN) đề nghị cần lưu tâm một số điểm sau đây:

i. Xem xét triển khai những công việc cần làm để giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động quản lý rừng đến môi trường và xã hội được đề xuất trong báo cáo đánh giá.

ii. Công ty ban hành sửa đổi, bổ sung các quy trình kỹ thuật phù hợp liên quan đến gieo ươm cây cao su và khai thác gỗ cao su. Vì hoạt động gieo ươm cây cao su và khai thác gỗ cao su đã bắt đầu được Công ty triển khai năm 2025 và cho các năm tiếp theo.

iii. Sửa đổi những nội dung không còn phù hợp trong các quy trình kỹ thuật đã ban hành như quy định ưu tiên trừ cỏ bằng thuốc diệt cỏ trong hướng dẫn chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. Bổ sung nội dung còn thiếu theo quy định của FSC như hướng dẫn và thực hiện an toàn lao động vào các quy trình trên.

iv. Có cơ chế, chính sách phù hợp để ổn định lực lượng lao động trực tiếp, đồng thời thường xuyên phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động và bảo hiểm xã hội trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách về lao động và bảo hiểm xã hội cho người lao động để họ nâng cao nhận thức và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

v. Công ty (bao gồm cả nông trường) phối hợp với các cơ quan Nhà nước và chính quyền bản để thực hiện quy định của Nhà nước và giải quyết những tồn tại trong quản lý rừng của Công ty.

vi. Hi vọng với những đề xuất trong báo cáo và những kiến nghị nêu trên sẽ được Công ty quan tâm nhằm giúp cho việc quản lý rừng của Công ty thực hiện đúng những yêu cầu của FSC quy định trong Bộ tiêu chuẩn tạm thời FSC-STD-LAO-01-2020 qua đó góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của hai tỉnh Champasak và tỉnh Salavan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

01. Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2024-2054 của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-HĐQT, ngày 19/03/2024.
02. Báo cáo chuyên đề Đánh giá tác động môi trường và xã hội (EIA & SIA) năm 2023 (của Viện QLRBV và CCR (SFMI) thực hiện tháng 12 năm 2023).
03. Hướng dẫn giám sát, đánh giá tác động môi trường và xã hội (EIA & SIA) trong các hoạt động quản lý rừng trồng tại CHDCND Lào (của Viện QLRBV và CCR năm 2023)
04. Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT, ngày 01/12/2021 của Bộ NN&PTNT Ban hành quy trình kỹ thuật cây cao su.
05. 6 Quy trình kỹ thuật của Công ty Daklaoruco: quy trình trồng mới cao su (QT-KT02). Quy trình chăm sóc vườn cây BH lần 2 (QT-KT03), Quy trình Kiểm tra tay nghề (QT-KT04), Quy trình Kiểm soát kỹ thuật khai thác mủ, Quy trình giao nhận mủ (QT-KT06) và Quy trình kiểm kê vườn cây (QT-KT07)...
06. Sổ tay Quản lý chất lượng của Công ty Daklaoruco
07. Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và định hướng kế hoạch năm 2024 của Công ty Daklaoruco.
08. Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024 và định hướng kế hoạch năm 2025 của Công ty Daklaoruco.
09. Kỷ yếu Daklaoruco 20 năm xây dựng và phát triển (Của Cty Daklaouco 2024).
10. Báo cáo đánh giá nội bộ về Quản lý rừng tháng 2 và tháng 4 năm 2025 (Viện QLRBV và chứng chỉ rừng);
11. Báo cáo tham vấn các bên liên quan tháng 2 và tháng 4 năm 2025 (Viện QLRBV và chứng chỉ rừng);
12. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội tháng 2 năm 2025 (Viện QLRBV và chứng chỉ rừng).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TT	Tên chính sách (gồm tên đầy đủ và viết tắt)	Tóm tắt nội dung chính sách	Đối tượng áp dụng	Ngày ban hành	Ghi chú
I	Với người lao động trực tiếp tại các đơn vị sản xuất (NT, nhà máy chế biến)				
1	Phụ cấp hàng ngày	+ Hỗ trợ xăng xe: 10.000 Kíp/ngày + Chuyên cần: 10.000 Kíp/ngày + Tiền ăn giữa buổi : 5.000 Kíp/ngày	CNKT	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT
2	Tiền ăn ca	+ Tiền ăn ca: 15.000 Kíp/ ngày	CNDC mũ nước		
3	Nhu Yếu Phẩm	+ Cấp nhu yếu phẩm hàng tháng làm việc bao gồm: 10 kg gạo, 0.5 Kg đường, 400 ml dầu ăn. 2 lon cá hộp, 01kg muối, 01 hộp sữa đặc.	CNKT CN-MNCB (Người Lào)	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT
4	Thưởng Vượt kế hoạch sản lượng hàng tháng	+ Công ty sẽ chi trả lương bằng đơn giá tối thiểu 200% so với đơn giá kế hoạch.	CNKT	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT

		+ Thưởng nhu yếu phẩm 01 phần riêng: cá hộp: 02 hộp, dầu ăn: 1chai 400ml, sữa đặc 1 hộp.			
5	Bảo hiểm XH-YT	-Theo quy định nhà nước Lào	CNKT, CN Nhà máy chế biến	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT
6	Thưởng nhân dịp các ngày lễ, tết	- Tết Lào: 250.000 Kíp/ người. - Lễ phổ biến chính sách của công ty, ra quân, quốc tế lao động: 50.000kíp/người. -Lễ quốc khánh Lào, tết DL, phát động phong trào thi đua, chi khuyến khích cho CN tích cực tham gia KT, không nghỉ ngày Bun lễ lớn: 100.000 Kíp/người/đợt	CNKT	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT
7	Bảo hộ lao động	Áo bảo hộ lao động: 03 cái/người/năm Ủng/dày : 01 đôi/người/năm Mũ: 01 cái/người/năm Áo mưa: 1 bộ/người/năm	CNKT, CN Nhà máy chế biến	04/04/2025	Thông báo Số: 299/TB-CT

8	Khám sức khỏe định kỳ	Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ với mức: 350.000 Kíp/người/lần.	CNKT, CN Nhà máy chế biến	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
9	Khen thưởng, hỗ trợ con của CNTT	- Học sinh Khá: 200.000 kíp/ cháu, Giỏi: 400.000 Kíp/cháu. - Hỗ trợ sách, vở, bút, cặp sách cho con của CN có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp đầu năm học.	CNKT, CN Nhà máy chế biến	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
10	Phụ cấp ngày mưa trôi, choàng, cạo tăng lát	- Ngày mưa trôi: 30.000 Kíp/ngày - Choàng: 50.000 Kíp/người/ngày - Cạo tăng lát: 100.000 Kíp/người/ngày	CNKT	22/03/2025	Thông báo hướng dẫn một số chi tiêu: NT1,NT2,NT3,NT4.
11	Phụ cấp ngày mưa	Ngày mưa: 40.000 Kíp/Ngày	CNLX	24/01/2025	Thông báo Số: 51/TB-CT
12	Thăm hỏi công nhân đau ốm	- Lãnh đạo đến thăm tặng quà trị giá: 300.000 Kíp/người.	CNKT, CN Nhà máy chế biến	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
13	Đào tạo CN khai thác	- Mức : 100.000 Kíp/người/ngày học	CNKT	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
II	Với khối lao động gián tiếp (VP Công ty, NT, nhà máy)				

1	Phụ cấp xăng xe, điện thoại	-Theo quyết định Số: 114/QĐ-CT ngày 20/03/2025	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
2	Phụ cấp chi phí Quota lao động và Visa	-Theo quyết định Số: 114/QĐ-CT ngày 20/03/2025	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
3	Khen thưởng con của CBCNV	-Theo quyết định Số: 114/QĐ-CT ngày 20/03/2025	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
4	Hỗ trợ các cháu khi bố mẹ làm việc tại Lào	- Cấp 1: 500.000 Kíp/cháu - Cấp 2: 800.000 Kíp/cháu - Cấp 3: 1.000.000 Kíp/cháu	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
5	Ngày quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam	- Mức chi: 500.000 Kíp/người/đợt	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
6	Tổ chức sinh nhật tập thể CBCNV	- Mức chi: 1.000.000 Kíp/người	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
7	Thăm hỏi cha mẹ CBCNV lao động vào dịp Tết.	- Mức chi: 500.000 Kíp/người	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
8	Vé tàu xe (đi, về) CBCNV về quê đón tết cổ truyền Việt Nam	Mức chi: 1.000.000 Kíp/ người	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
9	Đồng phục CBCNV	Định mức: 02bộ/người/năm, mức tiền : 3.000.000 Kíp/người/năm, nhận bằng tiền mức chi: 2.000.000 Kíp/người/năm	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ

10	Khám sức khỏe định kỳ	- Định kỳ hàng năm: 01 lần - Ban giám đốc: 4.000.000 Kíp/người/lần - TP ban công cty, giám đốc đơn vị: 2.000.000 Kíp/người/lần - Nhóm còn lại: 1.500.000 Kíp/người /lần	CB GIÁN TIẾP	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
11	Thăm hỏi, việc hiếu	- HĐQT, Ban Tổng GD DRI, Daklaoruco và Ban giám đốc công ty: 10.000.000 Kíp/lần và 01 vòng hoa giá trị: 1.000.000 Kíp/lần. - Trưởng, phó phòng: 6.000.000 Kíp/lần và 01 vòng hoa giá trị: 1.000.000 Kíp/lần. - CBCNV còn lại: 4.000.000 Kíp/lần và 01 vòng hoa giá trị: 1.000.000 Kíp/lần.	CB GIÁN TIẾP	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
12	Khen thưởng đột xuất cá nhân, tập thể	- Cá nhân không quá: 10.000.000 Kíp/người - Tập thể không quá: 20.000.000 Kíp/tập thể	CB GIÁN TIẾP	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
13	Tham quan, du lịch	- Tùy vào điều kiện của công ty	CB GIÁN TIẾP	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
14	Phụ cấp nộp BHXH Lào, Việt Nam	- Theo quy định nhà nước Lào, Việt Nam	CB GIÁN TIẾP		

15	Đào tạo các khóa học ngắn hạn	Học phí khóa ngắn hạn cho nhân viên: 10.000.000 Kíp/người/khóa học. Ban giám đốc, Trưởng phó phòng, ban giám đốc đơn vị: 20.000.000 Kíp/người/khóa học.	CB Gián tiếp	20/03/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ
----	-------------------------------	---	--------------	------------	-------------------------

Phụ lục 2. TỔNG HỢP CÁC LỚP ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN CHO CBCNV CÔNG TY

(Từ tháng 1/2025 đến nay)

TT	Tên lớp tập huấn	Hình thức tập huấn (trực tiếp/trực tuyến)	Thời gian (ngày, tháng, năm)	Địa điểm tập huấn	Số ngày tập huấn	Đối tượng tập huấn (CNLD, CBNV của NT và Cty)	Số lượng người tham gia	Đơn vị tổ chức (DRI, Daklao, bên ngoài)
1	Tập huấn hướng dẫn đánh giá nội bộ trong QLRBV	Trực tiếp	19/2/2025	Păksê	1 ngày	Ban FSC Công ty, Thư ký FSC FM các Nông trường; Nhân viên P.KTSX Công ty và các Nông trường	17	SFMI
2	Khóa đào tạo Kiểm nghiệm viên SVR tại trung tâm QLCL CSTN Lia kê	Trực tiếp	Từ 24/02/2025 đến 28/03/2025	Lai Khê	30 ngày	Nhân viên kiểm nghiệm Phòng QLCL	1	Trung tâm QLCL CSTN Lai Khê
3	Khóa đào tạo quản đốc phân xưởng chuyên nghiệp	Trực tiếp	Từ 16/04/2025 đến 21/04/2025	Huế	4 ngày	Cán bộ phòng KTSX Nhà máy; Quản đốc; NV	8	Công ty TNHH đào tạo quản trị sản xuất và

						tiếp nhận, NV kỹ thuật Công ty		chất lượng PMC
4	Tập huấn sử dụng phần mềm Quản lý văn bản IOFFICE	Trực tuyến	17/04/2025	Păksê	1 buổi	Toàn bộ CBNV thuộc Văn phòng Công ty. BGĐ và Trưởng, phó phòng đơn vị	87	DRI
	Tập huấn sử dụng phần mềm Quản lý công việc Workit	Trực tuyến	12/05/2025	Păksê	1 buổi	BGĐ, trưởng phó phòng Công ty đơn vị	22	Daklaoruco

Huấn luyện kỹ năng làm việc và xử lý tình huống cho lực lượng Bảo vệ toàn Công ty

Lớp 1: 35 người Tổ chức tại NT3 Công an huyện Pathoumphone tập huấn

Lớp 2: 31 người Tổ chức tại NT4 Công an huyện Lào Ngam tập huấn

Phụ lục 3. Tổng hợp các lớp tập huấn người lao động trực tiếp

Đơn vị	Đào tạo thợ cạo cho CNKT			Tập huấn ATVSLĐ cho CNKT	
	Số lớp	Số người	Đạt yêu cầu	Số lớp	Số người
NT1	1	30	30	3	667
NT2	1	18	18	4	543
NT3	1	33	30	4	626
NT4	1	73	35	2	449
Tổng	4	154	113	13	2285

Phụ lục 4. Danh sách tham vấn các bên liên quan (tháng 2/2025)

STT	Họ và tên	Chức Danh
Người lao động		
1.	Sải Sa Mỏn	Công nhân Nông trường 1
2.	In Pon	Công nhân Nông trường 1
3.	Phan Thị Thanh Nhàn	Kế toán Nông trường 1
4.	Võ Thị Thanh Hương	Kế toán Nông trường 2
5.	Hoàng Văn Du	Phòng Kỹ thuật Nông trường 2
6.	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân viên bảo vệ rừng Nông trường 2
7.	Lun Xay Nha Ko Sĩ	Công nhân Nông trường 3
8.	Bun Hòm Kẹo Sĩ Đa	Công nhân Nông trường 3
9.	Đinh Đăng Thùy Linh	Kế toán Nông trường 3
10.	Nguyễn Ngọc Thiện	Nhân viên bảo vệ rừng Nông trường
11.	Nguyễn Thị Vân Anh	Phòng Hành chính Nông trường 4
12.	Đỗ Ngọc Hoàng	Nhân viên bảo vệ Nông trường 4
Cộng đồng dân cư		
13.	Bun Thảm Kẹo Sú Phá	Trưởng bản Na Xay Khảm
14.	Viêng Xay Sảy Sĩ Phuron	Phó Trưởng bản Sọng Họng Nhây
15.	Sả Ma Ni Sĩ Bun Phêng	Phó Trưởng bản Nóng Lau
16.	Bun Thiêng Ma La Bút	Phó Trưởng bản Nậm Sảy Thàng
17.	Chăn Tha Nỏn Kẹo La Sĩ	Trưởng bản Nóng Ke
18.	Chăn Tha Von Bun Na Sóng	Trưởng bản Đông Tọng
19.	Sải Khăm Kẹo Bun Sĩ	Trưởng bản Nong Ta Cạy
Cơ quan địa phương		
20.	Duangmany Luangmany	Trưởng phòng TNMT huyện Pathumphone, tỉnh Champasak
21.	Khăm Mỏn Bút Xao Đon	Trưởng phòng TNMT huyện Ba Chiêng, tỉnh Champasak
22.	Bun Thảm Chăn Tha Mạt	Trưởng phòng TNMT huyện Lau ngam, tỉnh Salavan
23.	Đại diện văn phòng	Phòng BHXH tỉnh Champasak
24.	Đại diện văn phòng	Phòng BHXH tỉnh Salavan
25.	U Đon Xay Nha Vông	Trưởng phòng Nông lâm huyện Ba chiêng

26.	Đại diện văn phòng	Phòng Nông lâm huyện Lau ngam
-----	--------------------	-------------------------------

Phụ lục 5. Danh sách tham vấn các bên liên quang (tháng 4/2025)

STT	Họ và tên	Chức vụ - Bộ phận	Đơn vị
Người lao động			
1.	Lê Anh Khoa	Trưởng phòng – Phòng kỹ thuật	Nông trường 1
2.	Trần Vĩnh Tường	Tổ trưởng Tổ bảo vệ	
3.	Sodavanh Soukhot	Phòng kế toán	
4.	Đặng Thị Thanh Hiếu	Phòng Hành chính nhân sự	
5.	Sai Lum Xi Xôm Văng	Tổ trưởng tổ 2	
6.	Nang Pei Si A Lun	Công nhân khai thác	
7.	Mun Đự Đi	Công nhân khai thác	
8.	Khăm Phon Khai Phon	Công nhân khai thác	
9.	Thào Chăn	Công nhân khai thác	
10.	Nang Mí	Công nhân khai thác	
11.	Sư Đà	Công nhân khai thác	
12.	Hồ Văn Dược	Phòng Kỹ thuật	Nông trường 2
13.	Hoàng Trang Phi	Tổ bảo vệ	
14.	Da Si Sa Mút	Công nhân khai thác	
15.	Thào Phu	Công nhân khai thác	
16.	Nang Pế	Công nhân khai thác	
17.	Nang Tịa	Công nhân khai thác	
18.	Thào Phên	Công nhân khai thác	
19.	Thầu Chou	Công nhân khai thác	
20.	Thạo Sái	Công nhân khai thác	
21.	Sao Bun Trâm Adrong	Phòng Kỹ thuật	Nông trường 3
22.	Lê Thị Thúy Hà	Phòng Kế toán	
23.	Xúc Xa Van Xi Pi Lay	Công nhân khai thác	
24.	Tham Ma Van	Công nhân khai thác	
25.	Tham Mi Kun Độ	Công nhân khai thác	

26.	Ngô Hạnh Uyên	Phòng Kế toán	Nông trường 4
27.	Huỳnh Công Hân	Phòng Kỹ thuật	
28.	Hoàng Đình Vượng	Tổ sản xuất 8	
29.	Ông Thạ	Công nhân khai thác	
30.	Phụt La Kha Lát	Công nhân khai thác	
31.	Pôn	Công nhân khai thác	
32.	Chét A Xa	Công nhân khai thác	
33.	Siphanh Xoayavongsy	Công nhân khai thác	
34.	Nang Ba	Công nhân khai thác	
Cộng đồng dân cư			
35.	Vi Lá Vát Chăm Pa San	Trưởng bản	Bản Lồm Sắc Nửa
36.	Bun Thăn Kẹo Su Phá	Trưởng bản	Bản Na Sai Khăm
37.	Phết Xa Mòn	Trưởng bản	Bản 11
38.	Tôi Mi Sây	Trưởng bản	Bản Song Họng Nọi
39.	Nhôm Ma La	Trưởng bản	Bản Nà Se
40.	Thào Pun Pon	Trưởng bản	Bản Song Họng Nhây
41.	Ký Kon Chan Sy	Trưởng bản	Bản Nậm Say Thòng
42.	Tiêng Khăm Khomvilay	Trưởng bản	Bản Đồng Luống
Cơ quan địa phương			
43.	Sivanpakone Vongbounthanh	Giám đốc	Sở Nông lâm tỉnh Salavanh
44.		Giám đốc	Sở Nông lâm tỉnh Champasak
45.		Giám đốc	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Salavanh
46.		Đại diện Sở	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Champasak